

Bài báo nghiên cứu

**DAY HỌC MĨ THUẬT HƯỚNG TỚI PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG
CHO SINH VIÊN KHOA GIÁO DỤC TIỂU HỌC,
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Lê Tổng Ngọc Anh

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Lê Tổng Ngọc Anh – Email: anhltnghcmue.edu.vn

Ngày nhận bài: 30-5-2022; ngày nhận bài sửa: 30-6-2022; ngày duyệt đăng: 25-8-2022

TÓM TẮT

Hoạt động dạy học hướng tới phục vụ cộng đồng không chỉ góp phần mở rộng kiến thức cho sinh viên (SV) mà còn tạo điều kiện phát huy khả năng sáng tạo, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Giáo dục mỹ thuật đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường khả năng sáng tạo của người học và đây cũng là nội dung bắt buộc trong chương trình đào tạo SV Khoa Giáo dục Tiểu học tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. Bài viết giới thiệu hoạt động học tập được thiết kế hướng tới phục vụ cộng đồng trong các học phần về Mỹ thuật cũng như minh họa một số sản phẩm được SV thực hiện. Bên cạnh đó, kết quả từ hoạt động thử nghiệm cho thấy sự tích cực, sáng tạo của SV trong quá trình thực hiện các sản phẩm khi tham gia quá trình học tập theo hướng tiếp cận và phương pháp giáo dục này.

Từ khóa: giáo dục Mỹ thuật; giáo dục tiểu học; học tập phục vụ cộng đồng

1. Đặt vấn đề

Đối với chương trình bậc tiểu học, Mỹ thuật là một trong số các môn học mang tính bắt buộc thuộc giai đoạn giáo dục cơ bản để hình thành và phát triển ở học sinh (HS) năng lực Mỹ thuật. Các môn học trong chương trình có tính tích hợp cao và Mỹ thuật thường được lựa chọn để tích hợp với các môn học khác, điều này đòi hỏi giáo viên tiểu học nói chung và giáo viên Mỹ thuật bậc Tiểu học nói riêng cần có sự chuẩn bị về kiến thức và năng lực để đáp ứng sự thay đổi và nhu cầu đổi mới của chương trình và xã hội.

Ngoài việc cập nhật các nội dung và chương trình mới, việc đổi mới phương pháp và hình thức dạy học nhằm giúp SV học tập và vận dụng tối đa các kiến thức, kỹ năng được học một cách hiệu quả, việc xây dựng các hoạt động học tập gắn kết lý thuyết và thực tiễn sẽ tạo điều kiện cho SV học tập thông qua xử lý các vấn đề thực tế, trải nghiệm và cảm nhận, có sự phản ứng phù hợp đồng thời cũng tạo hứng thú học tập cho SV.

Cite this article as: Le Tong Ngoc Anh (2022). Teaching Arts for community services to students of the Department of Primary Education at Ho Chi Minh City University of Education. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 19(8), 1223-1235.

Học tập phục vụ cộng đồng không chỉ là phương pháp và xu hướng giáo dục hiện đại mà còn cho thấy những hiệu quả nhất định trong việc phát triển giáo dục thông qua các nghiên cứu trong và ngoài nước (Kendall, 1990) (Prentice & Robinson, 2010) (Bringle & Hatcher, 1999) (Bui, 2015). Điều này không chỉ mang lại nhiều lợi ích thiết thực đối với cộng đồng, cơ sở đào tạo, giảng viên mà còn giúp SV làm chủ được những kiến thức và học hỏi được nhiều kinh nghiệm thực tế quý giá làm phong phú thêm hành trang cho bản thân khi bước vào con đường giảng dạy (Le & Dinh, 2019). Thông qua môn Mĩ thuật thuộc học phần Nghệ thuật và Phương pháp dạy học Mĩ thuật được thiết kế theo hình thức các hoạt động dạy học kết hợp với học tập phục vụ cộng đồng, SV Khoa Giáo dục Tiểu học sẽ có được nhiều trải nghiệm bổ ích.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Định nghĩa học tập hướng tới phục vụ cộng đồng

Thuật ngữ “Service learning” – Học tập phục vụ cộng đồng (HTPVCD) đã được các nhà nghiên cứu giáo dục cố gắng định nghĩa từ rất lâu để giúp tất cả hiểu đúng và đầy đủ nhất về nó. Robert Sigmon đã đưa ra định nghĩa HTPVCD là việc học tập có sự tương tác phục vụ và hỗ trợ qua lại giữa người học – người học phục vụ và hỗ trợ cộng đồng để nhận lại kinh nghiệm và cộng đồng đưa ra những tình huống thực tế và nhận được sự hỗ trợ (Sigmon, 1979). “Service-Learning” là một trải nghiệm mang tính học tập có cấu trúc, kết hợp hoạt động phục vụ cộng đồng với các mục tiêu học tập rõ ràng, có sự chuẩn bị và có phản hồi (Jacoby & Associtate, 1996). Các định nghĩa về HTPVCD hiện nay rất đa dạng, thuật ngữ này đã được sử dụng để mô tả một số các yếu tố cấu thành phương pháp HTPVCD như các nỗ lực tổ chức các hoạt động giáo dục mang tính học tập từ trải nghiệm thông qua các dự án tình nguyện và phục vụ cộng đồng, điều kiện và các quy ước đạo đức... nhằm đưa ra một định nghĩa cụ thể cho phương pháp này (Honnet & Poulsen, 1989). Tuy nhiên, nhìn chung, HTPVCD có thể định nghĩa là “phương pháp giáo dục mà HS học tập và phát triển thông qua việc tham gia tích cực vào các hoạt động học tập có sự hướng dẫn và tổ chức để đáp ứng các nhu cầu thực tế của cộng đồng, trong đó chương trình, nội dung học thuật được kết hợp với các tình huống trải nghiệm để người học vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào môi trường bên ngoài lớp học và vào cộng đồng” (The National and community service act of 1990, 1999)

Các định nghĩa được mở rộng, tuy nhiên để có thể gọi là HTPVCD cần có sự cân bằng giữa các thành phần “học tập” và “phục vụ” (Sigmon, 1979). Theo đó, HTPVCD chỉ xảy ra khi cả người học tham gia hỗ trợ cộng đồng hoặc địa phương và cộng đồng, địa phương nhận sự hỗ trợ đều được hưởng lợi. Các lợi ích hai bên nhận được phải có sự đồng đều, đây là một phần điều kiện để hình thành HTPVCD.

Hiện tại có rất nhiều chương trình tình nguyện và hoạt động giáo dục như chương trình tình nguyện viên (Volunteerism), chương trình thực tập (Internships), dịch vụ hỗ trợ cộng đồng (Community Service), giáo dục thực địa (Field Education), giáo dục phục vụ cộng

đồng (Service learning) (Furco, 2003). Giữa những chương trình có sự khác nhau, một số thiên về hoạt động tình nguyện và một số thiên về hoạt động giáo dục, riêng với các hoạt động HTPVCD, tính chất cân bằng giữa hai thành phần: phần kết quả học tập, kinh nghiệm của người học đạt được và phần những lợi ích cộng đồng nhận được thông qua quá trình HTPVCD (Howard, Jeffrey, & Ed., 2001).

Tóm lại, HTPVCD tạo cơ hội cho người học mở rộng môi trường học tập, làm phong phú kiến thức, kinh nghiệm của bản thân... thông qua quá trình trải nghiệm thực tế, gắn kết chặt chẽ với lợi ích của cộng đồng. “Sự kết hợp giữa phục vụ cộng đồng và việc học tập sẽ mang lại sức mạnh to lớn...” là điều mà Jane Kendall đã đề cập trong bài viết của mình khi miêu tả mối quan hệ và mức độ ảnh hưởng của phương pháp này (Kendall, 1990). Dựa vào công việc phục vụ cộng đồng, người học chung sức góp phần xây dựng và phát triển cộng đồng đó, từ đó người học dần nhận thức vai trò, trách nhiệm và giá trị của bản thân đối với cộng đồng.

2.2. Phân loại mô hình học tập hướng tới phục vụ cộng đồng

HTPVCD có thể phân loại thành một số mô hình như sau:

1. HTPVCD dựa vào ngành chuyên môn (Discipline-Based Service-Learning): Học viên sử dụng nội dung môn học, khóa học làm cơ sở cho việc phân tích và nghiên cứu để hỗ trợ cộng đồng trong suốt học kì, năm học và phản hồi thường xuyên về sự học tập đó.

2. HTPVCD dựa trên dự án (Problem-Based/Project-Based): Học viên (hoặc nhóm học viên) phục vụ một cơ quan cộng đồng với tư cách là “nhà tư vấn” làm việc cho “đơn vị”. Học viên làm việc với các thành viên cộng đồng để hiểu một vấn đề hoặc nhu cầu cụ thể của cộng đồng theo từng dự án (nhu cầu) mà đơn vị đề ra.

3. HTPVCD dựa trên môn/ đề án/ khóa luận (Capstone course): Học viên dựa trên kiến thức thu được ở môn học và khóa học để tạo ra các sản phẩm liên quan đến môn học của mình để chứng minh khả năng và năng lực của mình thông qua các hoạt động học tập có liên quan hoặc đáp ứng nhu cầu cộng đồng.

4. HTPVCD dựa vào nghiên cứu hành động dựa vào cộng đồng (Undergraduate Community Based Action Research): Trong mô hình này, học viên làm việc chặt chẽ với các giảng viên để học phương pháp nghiên cứu trong khi đóng vai trò là người tìm hiểu về những mong muốn, nguyện vọng, yêu cầu giải quyết các vấn đề của cộng đồng.

5. HTPVCD thuần túy (Pure Service Learning): Hoạt động và chương trình với mục đích để chuẩn bị cho HS tham gia cộng đồng với tâm thế tích cực và có tinh thần trách nhiệm.

6. HTPVCD dựa vào chương trình thực tập (Service Internships): Học viên phân tích những trải nghiệm mới của họ bằng cách sử dụng các lí thuyết dựa trên nội dung môn học trong một kì thực tập. (Heffernan, 2001).

Từ đây có thể thấy các mô hình HTPVCD rất đa dạng và có thể áp dụng vào nhiều chương trình giáo dục và các hoạt động học tập, các môn học và nội dung học khác nhau.

Lựa chọn và ứng dụng phương pháp HTPVCD phù hợp với môn học, học phần sẽ giúp mang lại những lợi ích đối với SV, cộng đồng và đơn vị giáo dục.

2.3. Định hướng lựa chọn mô hình hoạt động học tập phục vụ cộng đồng cho môn và học phần liên quan đến Mĩ thuật

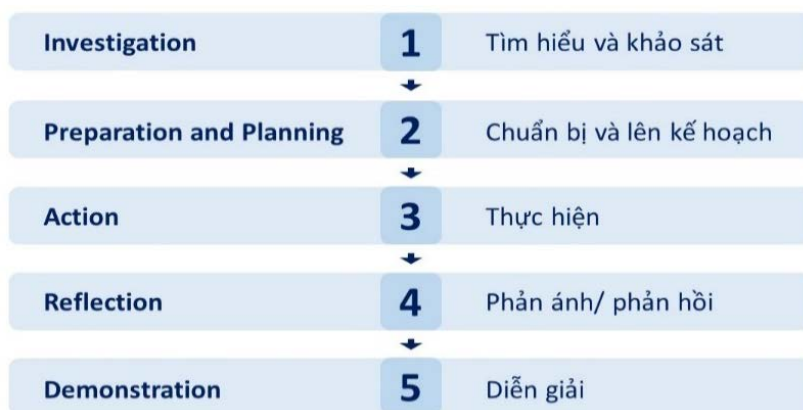
Những mô hình HTPVCD trên được vận dụng vào chương trình giáo dục Mĩ thuật và các học phần liên quan gồm môn “Mĩ thuật cơ bản” và “Phương pháp dạy học Mĩ thuật” tại Khoa Giáo dục Tiểu học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh để lựa chọn mô hình phù hợp, nhằm mang lại hiệu quả giáo dục đối với SV, giảng viên và đơn vị giáo dục và ích lợi thực tế cho cộng đồng.

Với ngành Giáo dục Tiểu học, môn Mĩ thuật thuộc học phần Nghệ thuật cơ bản, cung cấp kiến thức về các thể loại tạo hình Mĩ thuật ở bậc Tiểu học và vận dụng kiến thức đã học để sáng tạo một số sản phẩm Mĩ thuật và đồ dùng dạy học, trang trí trong môn Mĩ thuật và các môn học khác. Học phần này cũng là điều kiện tiên quyết của học phần Phương pháp dạy học Mĩ thuật ở Tiểu học vốn cung cấp những kiến thức, kĩ năng sư phạm, xu hướng và phương pháp dạy học hiện đại kết hợp với hướng dẫn thiết kế sáng tạo và sử dụng đồ dùng dạy học. Chính vì tính liên quan của hai học phần Nghệ thuật cơ bản và Phương pháp dạy học Mĩ thuật nên việc kết hợp một số hoạt động của hai học phần thành chuỗi các hoạt động sẽ giúp tăng tính liên kết giữa các mạch nội dung kiến thức. Sản phẩm Mĩ thuật và đồ dùng dạy học được sáng tạo ở học phần Nghệ thuật cơ bản cũng được sử dụng tiếp tục ở học phần Phương pháp. Ở môn Mĩ thuật thuộc học phần Nghệ thuật cơ bản, SV vận dụng những kiến thức tạo hình sáng tạo ra các sản phẩm, đồ dùng dạy học có tính thẩm mĩ nhưng để sử dụng tốt trong hoạt động dạy học cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với từng bài dạy, điều kiện thực tế. Nếu áp dụng phương pháp HTPVCD, SV sẽ tìm hiểu nhu cầu của cộng đồng và thử nghiệm, giải quyết các vấn đề, tình huống dạy học thực tế, từ đó vừa áp dụng các kiến thức đã học, vừa tìm tòi, học hỏi thêm kinh nghiệm và phương pháp dạy học từ cộng đồng. SV được mở rộng môi trường học tập và hình thức học tập, vừa có thể làm việc cá nhân để phát triển khả năng của bản thân, vừa có sự tương tác, làm việc nhóm.

Trong số 6 mô hình HTPVCD, mô hình HTPVCD dựa trên môn/ đồ án/ khóa luận (Capstone course) sẽ có nhiều thuận lợi, vì: Thứ nhất, theo mô hình này, mỗi môn và học phần học theo từng môn và học phần sẽ không chiếm nhiều thời gian. Thứ hai, SV có thể “nhìn lại” và “hệ thống” lại kiến thức, việc học tập ở các môn, các sản phẩm, thành quả để nghiên cứu, đi sâu tìm hiểu thêm. Thứ ba, tăng tính liên kết giữa các môn học, không chỉ giữa các môn có mối liên quan về điều kiện tiên quyết (Mĩ thuật và Phương pháp dạy học Mĩ thuật) mà còn có thể kết hợp với nhiều môn học khác, rất phù hợp với xu hướng dạy học tích hợp ở bậc tiểu học.

2.4. Thiết kế hoạt động học tập phục vụ cộng đồng cho môn và học phần liên quan đến Mĩ thuật

Phương pháp HTPVCD trong dạy học, như Hình 1 miêu tả, thường theo tiến trình 5 bước cơ bản sau (Cathryn, 2010):



Hình 1. Các bước thực hiện phương pháp HTPVCD

Để tiến hành Thiết kế hoạt động học tập phục vụ cộng đồng cho môn và học phần liên quan đến Mĩ thuật dựa theo quy trình 5 bước của phương pháp HTPVCD.

- **Bước 1.** Tìm hiểu và khảo sát (Investigation)

- Khảo sát và xác định nhu cầu của cộng đồng thông qua một số phương pháp xã hội học như phỏng vấn, trao đổi bằng một số hình thức trực tiếp, gián tiếp và phiếu khảo sát nhằm thu thập một số thông tin của đối tượng từ đó xác định nhu cầu của cộng đồng. Thông tin thu thập bao gồm: đối tượng cộng đồng (đơn vị giáo dục) có nhu cầu hỗ trợ, nhu cầu (sản phẩm, số lượng...). Cộng đồng ở đây là đối tượng nghiên cứu hướng tới gồm các mái ấm tình thương, trung tâm bảo trợ trẻ em có nhu cầu hỗ trợ về giáo dục như sách vở, đồ dùng dạy và học, giáo viên tình nguyện. Ở đây sẽ xác định các đơn vị này gặp những khó khăn nào, từ đó lập kế hoạch và phương án hỗ trợ.

- Xác định kiến thức nền tảng và năng lực, khả năng của SV qua từng môn học và học phần để xây dựng các hoạt động dạy học phù hợp thông qua một số câu hỏi phỏng vấn, khảo sát trước, trong và sau quá trình học.

- **Bước 2.** Chuẩn bị và lên kế hoạch (Preparation and Planning)

- Xác định các hoạt động dạy học trong các môn và học phần có thể áp dụng HTPVCD. Ở đây không phải thiết kế mới hoàn toàn các hoạt động mà dựa trên các nội dung và hoạt động đã có, lựa chọn và điều chỉnh, bổ sung một số hoạt động, nội dung mang tính tiếp cận thực tế và nhu cầu của cộng đồng hơn. Qua xác định ban đầu, cộng đồng thường có hai nhu cầu chính, một là sách vở và đồ dùng dạy học; thứ hai là giáo viên tình nguyện đứng lớp. Từ các nhu cầu này, chúng tôi lập kế hoạch đưa các nhu cầu về thiết kế, sáng tạo đồ dùng dạy học vào nội dung của phần Mĩ thuật ở học phần Nghệ thuật cơ bản. Với nhu cầu về giáo viên tình nguyện, chúng tôi xác định sẽ định hướng SV tập giảng thông qua việc trợ giảng hoặc giảng dạy tình nguyện tại các mái ấm tình thương này. Các dạng bài tập và tiêu chí đánh giá

thành phần của mỗi bài tập được thay đổi cho phù hợp với nội dung kiến thức và hoạt động nhưng vẫn đảm bảo đúng với chương trình và đề cương môn học, học phần.

- Lập kế hoạch thực hiện: Các học phần có sự liên quan nhưng diễn ra trong những thời gian khác nhau và môn Mĩ thuật cơ bản thuộc học phần Nghệ thuật cơ bản được tổ chức trước, cần lập kế hoạch thực hiện bắt đầu từ học phần này. Đề xuất một số phương án thực hiện:

a. Phương án 1: Mỗi nội dung sẽ xây dựng một hoạt động chính và một hoạt động bổ sung tương ứng để tạo ra các sản phẩm vừa có tính Mĩ thuật vừa đáp ứng nhu cầu của đơn vị giáo dục cần được hỗ trợ. Ví dụ: Với nội dung tìm hiểu thể loại Hội họa, SV sẽ tham gia tìm hiểu về tranh, đây là hoạt động chính để biết cách vẽ, cách sắp xếp bố cục, vẽ màu. Sau đó SV dựa vào kiến thức này để thiết kế bì-a sách.

b. Phương án 2: Kết hợp một số nội dung về một số thể loại và tạo ra một số hoạt động hoặc kết hợp các hoạt động để tạo thành chuỗi hoạt động. Ví dụ: Với nội dung tìm hiểu thể loại Hội họa kết hợp với Thủ công, SV sẽ tham gia tìm hiểu về tranh, đây là hoạt động chính để biết cách vẽ, cách sắp xếp bố cục, vẽ màu. Sau đó SV dựa vào kiến thức này để thiết kế bì-a sách.

• *Bước 3. Thực hiện (Action).* Dựa trên kế hoạch đã chuẩn bị, tiến hành lựa chọn và tổ chức thử nghiệm các hoạt động dạy học. Việc lựa chọn giữa các phương án dựa trên một số yếu tố như nhu cầu của địa phương, thời điểm học, khả năng của SV. Ví dụ: Sau khi tìm hiểu nhu cầu địa phương và nhận thấy đơn vị đang cần những “Bảng học vắn/ thẻ học” từ đó sẽ định hướng và hướng dẫn SV thực hiện thiết kế các sản phẩm này theo khả năng của các em.

Với phương án 1, việc thiết kế một hoạt động bổ sung riêng lẻ và tập trung cho từng nội dung liên quan đến từng thể loại riêng biệt có ưu điểm là lượng nội dung kiến thức, kĩ thuật tạo hình ở mức độ vừa phải. Tuy nhiên nếu thiết kế từng hoạt động riêng lẻ thì các nội dung sẽ rời rạc thiếu tính liên kết về mặt kiến thức.

Với phương án 2, ưu điểm là kết nối các hoạt động và nội dung các bài học, các sản phẩm tạo hình..., từ đó thông qua các hoạt động, mạch kiến thức và kĩ năng của SV được liên kết từ bài này qua bài khác. Trong các hoạt động tìm hiểu và tạo hình sau, SV cố gắng vận dụng những kiến thức mình đã học trước đó để hoàn thiện hơn các sản phẩm của mình. Tuy nhiên với thời lượng học tương đối ngắn, việc tổ chức hoạt động chính để tìm hiểu một nội dung về một thể loại làm trọng tâm và hoạt động bổ sung, vận dụng liên quan đến nhiều thể loại có thể dẫn đến việc mất nhiều thời gian hơn trong việc tổ chức dạy học, chuẩn bị và hướng dẫn SV.

Sau khi xem xét, nhận thấy việc thiết kế hoạt động dạy học nên có sự linh hoạt thay đổi để vừa đáp ứng yêu cầu nội dung kiến thức, vừa tăng cường việc học tập và trải nghiệm của SV, vừa tạo ra các sản phẩm thiết thực đúng với mong muốn của cộng đồng, việc kết hợp phương án 1 và 2 là cần thiết. Có nghĩa là sẽ có những hoạt động thiết kế cho một nội dung độc lập và có những hoạt động tìm hiểu về nhiều nội dung, thể loại và tạo ra nhiều sản phẩm, các sản phẩm này thay đổi tùy theo nhu cầu của cộng đồng, khả năng của lớp, thời điểm học như gợi ý ở Bảng 1 sau đây:

Bảng 1. Bảng gợi ý các hoạt động dạy học dựa trên đề cương học phần Mĩ thuật cơ bản và phương pháp dạy học Mĩ thuật

Môn/ Học phần	Nội dung	Hoạt động chính	Hoạt động bổ sung/ vận dụng	Một số sản phẩm đáp ứng nhu cầu của cộng đồng	
Mĩ thuật cơ bản – Nghệ thuật cơ bản	Hội họa	Vẽ theo mẫu, vẽ màu trang trí, vẽ tranh	Vẽ theo mẫu và cách điều tạo tranh lập thể (nội dung độc lập). Vẽ màu trang trí và cắt dán: Thiết kế lồng đèn (nội dung kết hợp)	Bảng học vắn/ thẻ học từ Trang trí bìa sách Lồng đèn trung thu Bookmark	
	Đồ họa	In tranh	Vẽ tranh và in tranh theo chủ đề	Trang trí túi giấy, túi vải	
	Điêu khắc	Nặn và tạo dáng sản phẩm	Nặn và tạo hình (độc lập hoặc kết hợp)	Bánh quy bơ Nặn tò he	
	Thủ công	Cắt và xé dán May cơ bản	Vẽ và cắt xé dán tạo hình sản phẩm. Vẽ và may tạo hình sản phẩm	Đồ dùng dạy học, đồ chơi, dụng cụ học tập của HS như (Hình khối cơ bản kết hợp học từ, số đếm...) Bảng học toán Đồ chơi Trang phục	
	Lịch sử Mĩ thuật	Tìm hiểu lịch sử một số thể loại Mĩ thuật và các ngành nghề, tác giả, tác phẩm			Infographic lịch sử ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật
	Phương pháp dạy học Mĩ thuật ở bậc Tiểu học	Chương trình giáo dục Mĩ thuật ở bậc tiểu học Các phương pháp dạy và kĩ thuật dạy học phát triển phẩm chất và năng lực HS trong môn Mĩ thuật	Tìm hiểu chương trình. Các phương pháp và kĩ thuật dạy học Các hình thức tổ chức hoạt động dạy học	Thiết kế đồ dùng dạy học (nội dung kết hợp)	Đồ dùng dạy học phù hợp với một số kĩ thuật và phương pháp dạy học trong môn Mĩ thuật/ các môn học khác (tích hợp với Mĩ thuật)

Thiết kế các hoạt động dạy học sử dụng phương pháp và kĩ thuật dạy học cho một chủ đề bài học môn Mĩ thuật/ các môn học khác (tích hợp với Mĩ thuật)	Các phương pháp và kĩ thuật dạy học	Đồ dùng dạy học phù hợp với một số kĩ thuật và phương pháp dạy học cho một chủ đề bài học môn Mĩ thuật/ các môn học khác (tích hợp với Mĩ thuật)
Đánh giá trong dạy học Mĩ thuật bậc Tiểu học	Tìm hiểu phương pháp và công cụ đánh giá, cách thiết kế công cụ đánh giá môn Mĩ thuật	Thiết kế công cụ kiểm tra, đánh giá dạy học (nội dung kết hợp)

• **Bước 4.** Phản ánh/ phản hồi (Reflection). Sau khi SV thiết kế, giảng viên sẽ kết nối với cộng đồng để tổ chức các hoạt động trao đổi giữa giảng viên, SV và đơn vị giáo dục. Việc trao đổi giúp SV nhìn nhận các vấn đề còn tồn tại trong các sản phẩm của mình và từ đó có hướng điều chỉnh phù hợp. Với cộng đồng, đơn vị được hỗ trợ giáo dục, thông qua việc trao đổi thông tin, đơn vị cũng phản hồi về sản phẩm cho thấy khả năng và năng lực của SV.

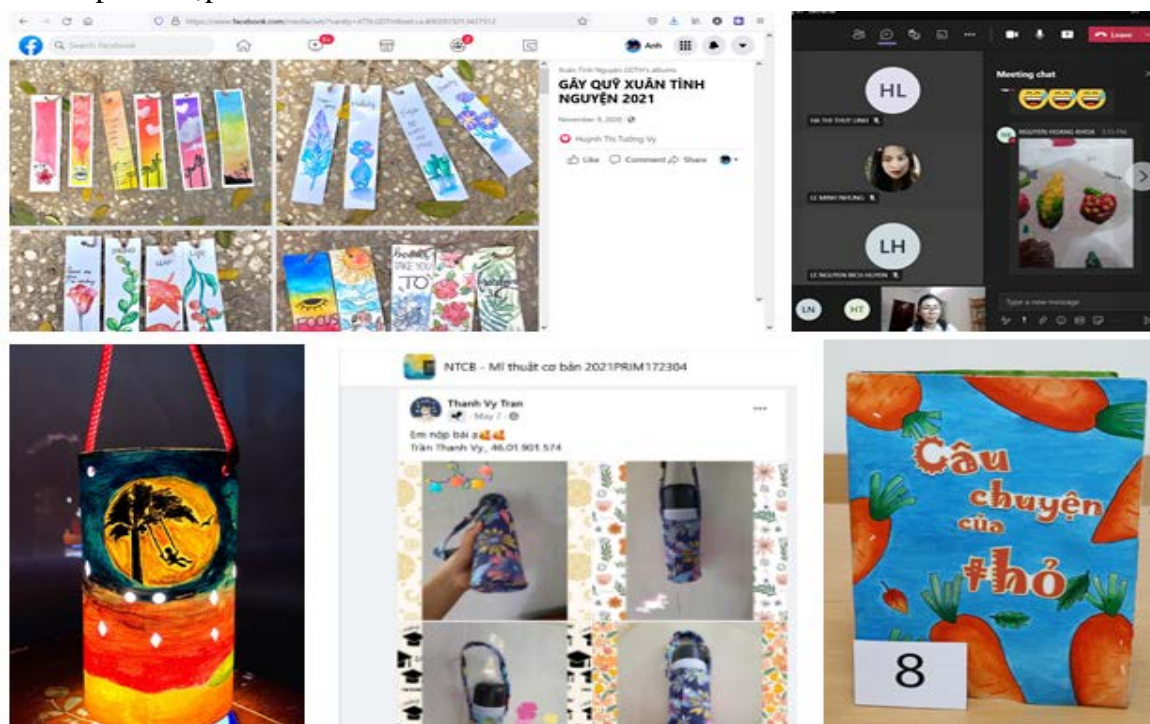
• **Bước 5.** Diễn giải (Demonstration). Từ những kết quả trao đổi và phản hồi, người thực hiện diễn giải các thông tin để tìm hiểu và xác định lại nhu cầu của cộng đồng, xem xét khả năng của SV, nội dung và hoạt động dạy học để tiếp tục điều chỉnh.

2.5. Một số kết quả thử nghiệm ban đầu hoạt động học tập phục vụ cộng đồng cho môn và học phần liên quan đến Mĩ thuật

Các môn học và học phần thuộc các học kì khác nhau nên có sự lựa chọn một số lớp để áp dụng phương pháp HTPVCD, các lớp được lựa chọn có lịch học bắt đầu ở giai đoạn 1 để đảm bảo thời lượng học và thời gian SV thực hiện tạo sản phẩm Mĩ thuật.

Đối với môn Mĩ thuật thuộc học phần Nghệ thuật cơ bản các lớp diễn ra ở học kì 1, 2 lớp được chọn đều học bắt đầu ở giai đoạn 1, mỗi lớp 40-45 SV. Môn học, thứ nhất để định hướng các em về nội dung và kiến thức Mĩ thuật bậc Tiểu học, thứ hai là để hướng các em gần hơn đến đối tượng cộng đồng là nhu cầu của HS và đơn vị giáo dục bậc Tiểu học. Chính vì vậy, giai đoạn học tập môn học này không đặt nặng việc SV tạo ra các sản phẩm hay đồ dùng dạy học ở mức độ hoàn thiện nhất mà tập trung vào việc hình thành các kĩ năng, kĩ thuật tạo hình và kiến thức thẩm mĩ cơ bản. Các sản phẩm Mĩ thuật giai đoạn này khá đa

dạng, đơn giản, đa phần là sản phẩm thủ công, ví dụ: lồng đèn giấy, hình minh họa, thẻ học từ, bìa sách, kẹp sách (bookmark)... (xem Hình 2). Hoạt động học tập đồng thời được kết nối với một số hoạt động và công tác xây dựng của Đoàn hội Khoa Giáo dục Tiểu học như việc thiết kế và bán thiệp, kẹp sách, túi vải đựng nước... (xem Hình 2) gây quỹ cho các phong trào hoạt động. Một mặt, việc này tạo động lực khiến SV tích cực và cố gắng hơn trong quá trình thực hiện; mặt khác, khi có nhận xét và góp ý (trong quá trình bày bán), SV có sự so sánh và rút ra được những kinh nghiệm cho bản thân để những lần sau thiết kế được các sản phẩm đẹp và tốt hơn.



Hình 2. Một số sản phẩm của SV học ở học phần Nghệ thuật cơ bản

Đối với học phần Phương pháp dạy học Mĩ thuật, nội dung học phần tập trung vào kiến thức chung về chương trình giáo dục Mĩ thuật ở tiểu học, phương pháp giảng dạy Mĩ thuật ở trường tiểu học, cách thiết kế chuỗi và tổ chức hoạt động mĩ thuật. Trên cơ sở đó, người học biết cách vận dụng kiến thức mĩ thuật, phương pháp, kĩ năng giảng dạy vào thực hành cách tổ chức các hoạt động mĩ thuật cho HS tiểu học theo định hướng trải nghiệm (và giáo dục STEAM). Nội dung học phần cung cấp cho người học không chỉ những kiến thức lí thuyết mà còn cần tạo ra những cơ hội để SV học tập, trải nghiệm và vận dụng những phương pháp được học vào thực tế giảng dạy, những kiến thức đã được học ở học phần Nghệ thuật cơ bản tiếp tục được sử dụng để sáng tạo đồ dùng dạy học, trang trí lớp học, thiết kế bài giảng điện tử... Tuy nhiên, thời lượng học phần không nhiều và các hoạt động dạy học, tình huống sư phạm trên lớp chưa sát với thực tế để SV có cơ hội trải nghiệm. Sau khi thiết kế lại các hoạt động dạy học theo phương pháp HTPVCD, chúng tôi tạo điều kiện cho SV được tiếp cận với tình huống và nhu cầu thực tế của cộng đồng, từ đó SV vận dụng các kiến

thức đã học để phân tích, tìm hướng giải quyết. Chúng tôi chia làm hai giai đoạn, giai đoạn đầu tiên tập trung vào các kiến thức và nội dung chính của học phần, các nhu cầu cộng đồng được nhắc đến trong các ví dụ theo hướng gợi ý. Ở giai đoạn này, SV tiếp cận với các nhu cầu của cộng đồng thông qua một vài yêu cầu nhỏ liên quan tới nội dung về phương pháp dạy học. Ví dụ, khi giới thiệu một số phương pháp và kỹ thuật dạy học, người thực hiện có thể thiết kế hoạt động với tình huống SV trong vai trò là giáo viên tiểu học ở một khối lớp, “chuẩn bị các tranh, ảnh minh họa cho chủ đề, bài học phù hợp với hoạt động có sử dụng phương pháp trực quan và kỹ thuật dạy học mảnh ghép để giúp HS tìm hiểu đồ họa tranh in”. Ví dụ: Hình 3, với mong muốn giúp HS hình dung về việc tổ chức các hoạt động dạy học, phương pháp và kỹ thuật dạy học, nội dung giáo dục địa phương, giảng viên sẽ thiết kế tổ chức hoạt động để SV tham gia và trải nghiệm dựa trên Chủ đề: “Thiết kế thời trang” với yêu cầu sử dụng nguyên vật liệu tại địa phương (như lá chuối).



Hình 3. Tổ chức hoạt động dạy học Chủ đề: Thiết kế thời trang

Giai đoạn 2, giai đoạn này tăng cường các hoạt động thực hành sử dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học để SV tập tổ chức dạy học. Chúng tôi trao đổi, kết nối với cộng đồng và chuyển giao những nhu cầu của cộng đồng tới SV, đồng thời định hướng cho SV vừa thiết kế các sản phẩm đồ dùng dạy học, vừa vận dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học đã học để thiết kế các hoạt động dạy học cho một số chủ đề (liên quan đến nhu cầu cộng đồng). Đến giai đoạn này, các sản phẩm SV cần tạo được định hướng đáp ứng nhu cầu địa phương, đảm bảo tính khoa học và tính thực tiễn, tính ứng dụng. Điều này đòi hỏi SV phải nghiên cứu, tìm hiểu vấn đề, kết nối các kiến thức trong môn Mĩ thuật và các môn học khác để giải quyết vấn đề, đáp ứng được yêu cầu đặt ra cho sản phẩm (xem Hình 4).



Hình 4. Sản phẩm mô hình hệ thống giao thông để dạy học nhiều chủ đề, khối lớp, nhiều môn học ở bậc Tiểu học

Thông qua việc này, SV không chỉ áp dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn mà còn hình thành những kinh nghiệm, học tập thêm nhiều kiến thức, kỹ năng mềm (giao tiếp, ứng xử...). Từ đây, SV thay đổi quan điểm và tích cực hơn khi tham gia vào các hoạt động HTPVCĐ, một phần vì nhận thức được lợi ích của các hoạt động mà mình tham gia đối với cộng đồng; hơn nữa, SV còn nhận ra các kiến thức, kỹ năng, trải nghiệm mà mình có được thông qua các hoạt động này thực sự hữu dụng và cần thiết.

3. Kết luận

Bài viết giới thiệu các hoạt động học tập được thiết kế theo định hướng phục vụ cộng đồng thông qua thiết kế các hoạt động dạy học trong môn Mỹ thuật thuộc học phần Nghệ thuật cơ bản và học phần Phương pháp dạy học Mỹ thuật. Nhờ đó, các hoạt động dạy học tương ứng được xây dựng vừa đảm bảo nội dung học vừa đảm bảo tăng cường tính ứng dụng thực tế của các kiến thức và kỹ năng cần thiết. Sau khi áp dụng các hoạt động dạy học, hoạt động học tập của các SV có sự chuyển biến tích cực. Các kiến thức Mỹ thuật được chuyển tải trong các hoạt động dạy học có tính ứng dụng như vẽ và thiết kế truyện, in tranh, làm mô hình... khiến SV cảm thấy thích thú và muốn trải nghiệm. Với những đồ dùng dạy học do mình tạo ra, kết hợp với các kiến thức đã học và trải nghiệm thực tế khi SV tiếp cận những khó khăn của các cộng đồng cần sự hỗ trợ giáo dục đã hình thành nên những bài học kinh nghiệm và là động lực khơi gợi sự cố gắng của SV tiến tới gần hơn với khát vọng phát triển bản thân. Trong thời điểm dịch Covid, các cơ sở giáo dục chỉ có thể cố gắng duy trì hoạt động nên việc hỗ trợ phương tiện dạy học và giáo dục kịp thời của SV thông qua hoạt động HTPVCĐ dù chỉ trong hai học phần là hết sức cần thiết. Về phía Khoa Giáo dục Tiểu học, HTPVCĐ vừa là một hướng thử nghiệm để xem xét và thiết kế lại nội dung, đưa chương trình học theo tính tiếp cận thực tế vừa để kết nối, mở rộng và phát triển cộng đồng giáo dục, tăng sự liên kết giữa Khoa và các đơn vị giáo dục khác. Việc thử nghiệm ở hai học phần cho thấy những kết quả thực tế khả quan, phù hợp với nội dung và mục tiêu chương trình đào tạo. Hi vọng sự thay đổi trong việc thiết kế các hoạt động dạy học và giáo dục thông qua học phần liên quan đến Mỹ thuật sẽ tạo nên sự chuyển biến tích cực và mang lại lợi ích cụ thể không chỉ đối với SV trong Khoa mà còn đối với cộng đồng.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bringle, R. G., & Hatcher, J. A. (1999). Reflection in Service-Learning: Making Meaning of Experience. *Educational Horizons*, 179-185.
- Bui, P. H. (2015). Học tập phục vụ cộng đồng: yêu cầu đối với giảng dạy chuyên ngành thư viện - thông tin [Learning to serve the community: requirements for teaching innovation in library majors - information]. *Vietnam Library Magazine*, 3, 15-23.
- Cathryn, B. K. (2010). *The Complete Guide to Service Learning : Proven, Practical Ways to Engage Students in Civic Responsibility, Academic Curriculum, and Social Action*. Free Spirit Publishing.
- Furco, A. (2003). Service-Learning: A balanced Approach to Experiential Education. *Expanding Boundaries: Serving and Learning*, 9-13.
- Heffernan, K. (2001). *Fundamentals of Service-Learning Course Construction*. Campus Compact.
- Honnet, E. P., & Poulsen, S. J. (1989). *Principles of Good Practice for Combining Service and Learning*. Johnson Foundation.
- Howard, Jeffrey, & Ed. (2001). Service-Learning Course Design Workbook. *Michigan Journal of Community Service Learning*. Michigan University.
- Jacoby, B., & Associates. (1996). *Service-Learning in Higher Education*. California: Jossey-Bass.
- Kendall, J. (1990). Principles of good practice in combining service and learning. *Combining Service and Learning: A Resource Book for Community and Public Service*, 93-98.
- Le, H. V., & Dinh, L. D. (23/10/2019). Hoạt động phục vụ cộng đồng của trường đại học theo yêu cầu kiểm định chất lượng: thực trạng và mô hình, giải pháp phát triển [Community service activities of the university according to the requirements of quality accreditation: current situation and development models and solutions]. *Proceedings of the National Scientific Conference "Assurance and accreditation of higher education quality in the world and in Vietnam"*, 27-35.
- Prentice, M., & Robinson, G. (2010). Improving student learning outcomes with service learning. *American Association of Community Colleges*, 1-15.
- Sigmon, R. (1979). Service-learning: Three Principles. *Synergist*. *National Center for Service-Learning, Action*, 9-11.
- The National and community service act of 1990 (1999). *Corporation for National and Community Service*, 15-19.

**TEACHING ARTS FOR COMMUNITY SERVICES TO STUDENTS
OF THE DEPARTMENT OF PRIMARY EDUCATION
AT HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION**

Le Tong Ngoc Anh

Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

Corresponding author: Le Tong Ngoc Anh – Email: anhltng@hcmue.edu.vn

Received: May 30, 2022; Revised: June 30, 2022; Accepted: August 25, 2022

ABSTRACT

Teaching based on service learning not only contributes to expanding 'students' knowledge but also creates opportunities so that students can create values for our community. Art education "plays an important role in enhancing students' creativity and is also compulsory in the Primary Education Program at Ho Chi Minh City University of Education. The article introduces the community service learning activities in the courses and subjects related to Fine Arts and illustrates some of the products made by students. In addition, the results from experimental activities show students' activeness and creativity in making products when learning in educational trends and methods.

Keywords: arts education; primary education; service learning